

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NGÀY THI: 18/01/2026 **CÁC CHIỀU**

PHÒNG THI: 01

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN.180126-001	Lê Đình Hoàng Anh	23.11.2001	Nam	Kinh	Thái Bình
2	GCN.180126-002	Lương Tuấn Anh	14.02.1999	Nam	Kinh	Bắc Giang
3	GCN.180126-003	Nguyễn Trung Anh	28.08.2000	Nam	Kinh	Bắc Ninh
4	GCN.180126-004	Vương Việt Anh	19.06.1999	Nam	Kinh	Bắc Ninh
5	GCN.180126-005	Nguyễn Đình Ánh	11.05.1999	Nam	Kinh	Bắc Ninh
6	GCN.180126-006	Nguyễn Hồng Ánh	29.08.2004	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
7	GCN.180126-007	Nguyễn Đình Bảo	01.02.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
8	GCN.180126-008	Lý Hoài Bắc	20.06.2003	Nam	Nùng	Thái Nguyên
9	GCN.180126-009	Nguyễn Văn Bắc	01.12.2003	Nam	Kinh	Hà Nội
10	GCN.180126-010	Nguyễn Việt Bích	22.09.2002	Nam	Kinh	Thái nguyên
11	GCN.180126-011	Nguyễn Ngọc Biên	20.11.1999	Nam	Kinh	Bắc Giang
12	GCN.180126-012	Đào Văn Bình	20.08.2003	Nam	Nùng	Bắc Giang
13	GCN.180126-013	Hoàng Văn Bình	09.01.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
14	GCN.180126-014	Lương Phú Bình	20.12.2002	Nam	Kinh	Thái Bình
15	GCN.180126-015	Trần Cao Bình	25.06.2002	Nam	Kinh	Thái nguyên
16	GCN.180126-016	Hoàng Văn Bông	16.07.1992	Nam	Tày	Hà Giang
17	GCN.180126-017	Hoàng Quốc Cấn	17.01.2004	Nam	Kinh	Bắc Giang
18	GCN.180126-018	Giáp Minh Cường	27.04.1999	Nam	Tày	Thái Nguyên
19	GCN.180126-019	Trần Thị Kim Chi	05.07.2007	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
20	GCN.180126-020	Hà Văn Diễm	23.04.2001	Nam	Kinh	Bắc Giang
21	GCN.180126-021	Tạ Xuân Doanh	24.01.2003	Nam	Kinh	Bắc Giang
22	GCN.180126-022	Nguyễn Anh Dũng	11.03.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
23	GCN.180126-023	Nguyễn Trung Dũng	10.03.1995	Nam	Kinh	Bắc Ninh
24	GCN.180126-024	Nguyễn Xuân Dũng	28.05.1996	Nam	Kinh	Bắc Ninh
25	GCN.180126-025	Lục Vũ Duy	01.11.2003	Nam	Nùng	Bắc Giang
26	GCN.180126-026	Nguyễn Quang Duy	06.11.2003	Nam	Kinh	Bắc Giang
27	GCN.180126-027	Phạm Đức Duy	17.01.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
28	GCN.180126-028	Đặng Tùng Dương	23.06.1997	Nam	Kinh	Tuyên Quang
29	GCN.180126-029	Nguyễn Bình Dương	26.10.1994	Nam	Kinh	Bắc Ninh
30	GCN.180126-030	Nguyễn Đắc Dương	26.05.1996	Nam	Kinh	Bắc Ninh
31	GCN.180126-031	Nguyễn Đức Dương	15.01.2004	Nam	Kinh	Quảng Ninh
32	GCN.180126-032	Nguyễn Đức Tuấn Dương	05.12.1999	Nam	Kinh	Bắc Ninh
33	GCN.180126-033	Nguyễn Minh Dương	26.04.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
34	GCN.180126-034	Nguyễn Thị Thuý Dương	22.04.1997	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
35	GCN.180126-035	Trần Mạnh Dương	24.07.2003	Nam	kinh	Bắc Ninh
36	GCN.180126-036	Vũ Thị Dương	07.06.1989	Nữ	Kinh	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có: 36 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NGÀY THI: 18/01/2026 **CẤP: CHIỀU**

PHÒNG THI: 02

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN.180126-037	Vũ Thùy Dương	24.07.2001	Nam	Kinh	Bắc Ninh
2	GCN.180126-038	Phan Văn Đại	20.07.2003	Nam	Tày	Thái Nguyên
3	GCN.180126-039	Lê Văn Đạo	11.05.2001	Nam	Kinh	Bắc Ninh
4	GCN.180126-040	Đỗ Tấn Đạt	10.10.2003	Nam	Kinh	Bắc Giang
5	GCN.180126-041	Nguyễn Tuấn Đạt	16.08.2001	Nam	Kinh	Bắc Ninh
6	GCN.180126-042	Nguyễn Trọng Đạt	22.12.2004	Nam	Kinh	Thanh hoá
7	GCN.180126-043	Nguyễn Văn Đạt	20.06.1999	Nam	Kinh	Bắc Ninh
8	GCN.180126-044	Phạm Văn Đạt	20.10.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
9	GCN.180126-045	Trần Tiến Đạt	19.07.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
10	GCN.180126-046	Nguyễn Hải Đăng	01.11.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
11	GCN.180126-047	Vũ Văn Đăng	11.12.1999	Nam	Kinh	Bắc Ninh
12	GCN.180126-048	Nguyễn Văn Diệp	13.08.1997	Nam	Kinh	Bắc Giang
13	GCN.180126-049	Hoàng Bá Đức	23.07.2003	Nam	Kinh	Quảng Ninh
14	GCN.180126-050	Nguyễn Bá Đức	14.08.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
15	GCN.180126-051	Nguyễn Thế Đức	06.01.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
16	GCN.180126-052	Nguyễn Văn Được	29.07.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
17	GCN.180126-053	Đỗ Văn Giang	03.10.2000	Nam	Kinh	Bắc Ninh
18	GCN.180126-054	Nguyễn Trường Giang	10.02.1998	Nam	Kinh	Hà Nội
19	GCN.180126-055	Phạm Hoàng Giang	04.07.2003	Nam	Kinh	Thái nguyên
20	GCN.180126-056	Tổng Khánh Giang	20.02.2003	Nam	kinh	Tuyên Quang
21	GCN.180126-057	Triệu Quang Hà	14.12.2003	Nam	Nùng	Lạng Sơn
22	GCN.180126-058	Trịnh Văn Hà	10.12.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
23	GCN.180126-059	Đỗ Đình Việt Hải	30.01.2003	Nam	Kinh	Thanh Hoá
24	GCN.180126-060	Hoàng Tiến Hải	08.07.2000	Nam	Kinh	Bắc Ninh
25	GCN.180126-061	Nguyễn Văn Hải	25.09.1999	Nam	Kinh	Hà Nội
26	GCN.180126-062	Nguyễn Văn Hải	12.12.2003	Nam	Kinh	Hải Phòng
27	GCN.180126-063	Nguyễn Văn Hải	10.02.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
28	GCN.180126-064	Nguyễn Viết Hải	03.12.1990	Nam	Kinh	Tuyên Quang
29	GCN.180126-065	Đỗ Bá Hanh	10.11.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
30	GCN.180126-066	Thân Văn Hào	18.06.2003	Nam	Kinh	Bắc Giang
31	GCN.180126-067	Lục Thị Diệp Hằng	20.02.1980	Nữ	Giáy	Hà Giang
32	GCN.180126-068	Bùi Văn Hiệp	10.08.2003	Nam	Kinh	Hà Nội
33	GCN.180126-069	Trần Văn Hiệp	24.08.2002	Nam	Kinh	Bắc Ninh
34	GCN.180126-070	Nguyễn Quang Hiệp	08.10.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
35	GCN.180126-071	Lê Trung Hiếu	07.10.1996	Nam	Kinh	Tuyên Quang
36	GCN.180126-072	Nguyễn Dương Hiếu	24.10.2003	Nam	Kinh	Tuyên Quang

Ấn định danh sách có: 36 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ



**DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

NGÀY THI: 18/01/2026 **ĐA: CHIỀU**

PHÒNG THI: **03**

MÔN: **TIẾNG ANH**

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN.180126-073	Nguyễn Khắc Hiếu	05.01.2002	Nam	Kinh	Bắc Ninh
2	GCN.180126-074	Nguyễn Minh Hiếu	28.09.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
3	GCN.180126-075	Vũ Quý Hiếu	30.01.2003	Nam	Kinh	Lạng Sơn
4	GCN.180126-076	Vũ Thế Hiếu	25.01.2002	Nam	Kinh	Hải Phòng
5	GCN.180126-077	Phan Văn Hoa	31.08.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
6	GCN.180126-078	Nguyễn Ngọc Hoà	04.01.2004	Nam	Kinh	Phổ yên
7	GCN.180126-079	Triệu Huy Hoàn	05.10.2003	Nam	Nùng	Thái Nguyên
8	GCN.180126-080	Đinh Tiến Hoàng	15.10.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
9	GCN.180126-081	Vũ Lê Huy Hoàng	11.01.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
10	GCN.180126-082	Trần Văn Học	08.09.1998	Nam	Kinh	Bắc Giang
11	GCN.180126-083	Bùi Tiến Hùng	03.02.2001	Nam	Kinh	Bắc Giang
12	GCN.180126-084	Dương Mạnh Hùng	24.06.2001	Nam	Kinh	Bắc Giang
13	GCN.180126-085	Đinh Ngọc Hùng	06.05.1996	Nam	Kinh	Bắc Ninh
14	GCN.180126-086	Nguyễn Mạnh Hùng	24.01.1982	Nam	Kinh	Tuyên Quang
15	GCN.180126-087	Nguyễn Mạnh Hùng	12.02.2002	Nam	Kinh	Thái nguyên
16	GCN.180126-088	Phạm Văn Hùng	21.11.2002	Nam	Kinh	Bắc Ninh
17	GCN.180126-089	Phí Mạnh Hùng	10.08.1994	Nam	Kinh	Hà Nội
18	GCN.180126-090	Phùng Phi Hùng	17.02.2003	Nam	Hoa	Bắc Giang
19	GCN.180126-091	Trần Phi Hùng	08.05.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
20	GCN.180126-092	Nguyễn Văn Huy	15.08.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
21	GCN.180126-093	Phan Văn Huy	23.08.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
22	GCN.180126-094	Trần Quang Huy	29.05.2006	Nam	kinh	Lào Cai
23	GCN.180126-095	Lục Thị Ngọc Huyền	11.03.2005	Nữ	Nùng	Bắc Ninh
24	GCN.180126-096	Đỗ Thành Hưng	07.03.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
25	GCN.180126-097	Ngô Quang Hưng	18.04.2001	Nam	Kinh	Thái nguyên
26	GCN.180126-098	Ngô Việt Hưng	22.10.2003	Nam	Tày	Thái Nguyên
27	GCN.180126-099	Nguyễn Sỹ Hưng	20.12.1998	Nam	Kinh	Bắc Ninh
28	GCN.180126-100	Lê Thanh Kỷ	18.10.1984	Nam	Kinh	Hưng Yên
29	GCN.180126-101	Ma Đình Khải	25.03.2002	Nam	Tày	Thái Nguyên
30	GCN.180126-102	Nguyễn Văn Khải	23.04.1999	Nam	Kinh	Bắc Giang
31	GCN.180126-103	Khổng Quốc Khải	06.09.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
32	GCN.180126-104	Phạm Tuấn Khanh	23.08.2006	Nam	Kinh	Thái Nguyên
33	GCN.180126-105	Trần Văn Khánh	16.03.2000	Nam	Kinh	Bắc Ninh
34	GCN.180126-106	Phan Văn Khóa	04.10.1985	Nam	Dao	Hà Giang
35	GCN.180126-107	Đồng Văn Khởi	16.12.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh

Ấn định danh sách có: 35 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NGÀY THI: 18/01/2026 **QUA: CHIỀU**

PHÒNG THI: 04

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN.180126-108	Nông Diệu Linh	18.10.1989	Nữ	Nùng	Tuyên Quang
2	GCN.180126-109	Phạm Quang Linh	09.12.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
3	GCN.180126-110	Trần Đào Ngọc Linh	24.01.1999	Nam	Kinh	Thái Nguyên
4	GCN.180126-111	Trần Văn Lĩnh	03.08.2002	Nam	Kinh	Bắc Ninh
5	GCN.180126-112	Nguyễn Tiến Long	12.12.2000	Nam	Kinh	Bắc Ninh
6	GCN.180126-113	Nguyễn Thành Long	02.10.2002	Nam	Kinh	Hà Nội
7	GCN.180126-114	Thân Đức Long	29.10.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
8	GCN.180126-115	Vũ Xuân Long	01.02.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
9	GCN.180126-116	Bùi Trương Long	27.10.2003	Nam	Kinh	Phú Thọ
10	GCN.180126-117	Nguyễn Khắc Lộc	14.10.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
11	GCN.180126-118	Hoàng Ngọc Mai	10.02.2003	Nữ	Tày	Thái Nguyên
12	GCN.180126-119	Chu Tiến Mạnh	31.05.2000	Nam	Kinh	Tuyên Quang
13	GCN.180126-120	Triệu Quang Minh	22.07.2003	Nam	Tày	Bắc giang
14	GCN.180126-121	Vương Đình Minh	19.05.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
15	GCN.180126-122	Phạm Công Minh	13.12.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
16	GCN.180126-123	Vũ Huyền My	17.11.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
17	GCN.180126-124	Hà Trung Nguyên	06.12.2003	Nam	Tày	Thái Nguyên
18	GCN.180126-125	Trần Xuân Nguyên	11.12.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
19	GCN.180126-126	Vũ Đức Phát	21.10.2003	Nam	Kinh	Nghệ An
20	GCN.180126-127	Đỗ Hồng Phong	14.01.1997	Nam	Kinh	Phú Thọ
21	GCN.180126-128	Lê Hồng Phúc	22.11.2003	Nam	Kinh	Thái nguyên
22	GCN.180126-129	Nguyễn Hồng Phúc	30.07.2003	Nam	kinh	Thái Nguyên
23	GCN.180126-130	Nguyễn Như Phúc	24.01.2003	Nam	Kinh	Ninh Bình
24	GCN.180126-131	Nguyễn Viết Phương	01.02.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
25	GCN.180126-132	Phạm Thanh Phương	10.05.2000	Nam	Kinh	Hung Yên
26	GCN.180126-133	Lê Duy Quang	06.09.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
27	GCN.180126-134	Nguyễn Văn Quân	30.10.2002	Nam	Kinh	Hà Nội
28	GCN.180126-135	Đặng Bá Quý	08.01.1990	Nam	Kinh	Hà Tĩnh
29	GCN.180126-136	Nông Diệp Quý	21.11.2003	Nam	Nùng	Thái Nguyên
30	GCN.180126-137	Mai Văn Quyền	14.04.1997	Nam	Kinh	Sơn La
31	GCN.180126-138	Triệu Văn Quyết	12.01.2003	Nam	Dao	Thái Nguyên
32	GCN.180126-139	Lưu Văn Sang	25.02.2003	Nam	tày	thái nguyên
33	GCN.180126-140	Dương Ngọc Sáng	12.12.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
34	GCN.180126-141	Phạm Xuân Sinh	06.12.1995	Nam	Kinh	Hà Nam
35	GCN.180126-142	Nguyễn Quốc Sự	06.11.2003	Nam	Kinh	Hung Yên

Ấn định danh sách có: 35 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NGÀY THI: 18/01/2026 CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 05

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN.180126-143	La Văn Sỹ	06.06.2003	Nam	Sán chỉ	Thái Nguyên
2	GCN.180126-144	Lê Duy Tân	04.01.2000	Nam	Kinh	Bắc Giang
3	GCN.180126-145	Nguyễn Văn Tân	04.09.2003	Nam	Kinh	Bắc Giang
4	GCN.180126-146	Dương Xuân Tiến	18.04.2003	Nam	Kinh	Bắc Giang
5	GCN.180126-147	Nguyễn Minh Tiến	23.03.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
6	GCN.180126-148	Nguyễn Ngọc Tiến	17.09.1998	Nam	Kinh	Bắc Ninh
7	GCN.180126-149	Nguyễn Văn Toàn	27.12.2001	Nam	Kinh	Bắc Ninh
8	GCN.180126-150	Phạm Văn Toàn	21.10.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
9	GCN.180126-151	Nguyễn Anh Tú	14.10.1998	Nam	Kinh	Thái Nguyên
10	GCN.180126-152	Nguyễn Đình Tú	25.07.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
11	GCN.180126-153	Phạm Anh Tú	19.09.2000	Nam	Tày	Hà Giang
12	GCN.180126-154	Lê Ngọc Tuấn	03.09.2003	Nam	Kinh	Phú Thọ
13	GCN.180126-155	Đỗ Mạnh Tuấn	04.12.1999	Nam	Kinh	Thái Nguyên
14	GCN.180126-156	Hoàng Anh Tuấn	10.03.1996	Nam	Mường	Phú Thọ
15	GCN.180126-157	Nông Đình Tuấn	05.01.1985	Nam	Tày	Tuyên Quang
16	GCN.180126-158	Trần Quốc Tuấn	31.07.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
17	GCN.180126-159	Lương Văn Tuyên	20.12.2002	Nam	Kinh	Bắc Giang
18	GCN.180126-160	Nguyễn Đức Tuyên	27.07.2003	Nam	Kinh	Bắc Giang
19	GCN.180126-161	Nguyễn Ngọc Tuyên	04.02.2000	Nam	Kinh	Bắc Ninh
20	GCN.180126-162	Dương Đình Tuyền	17.02.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
21	GCN.180126-163	Lê Anh Thái	28.06.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
22	GCN.180126-164	Phạm Văn Thái	12.11.2002	Nam	Kinh	Bắc Ninh
23	GCN.180126-165	Phùng Minh Thái	01.03.1992	Nam	Hoa	Tuyên Quang
24	GCN.180126-166	Nguyễn Quang Thái	19.05.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
25	GCN.180126-167	Ngô Văn Thanh	26.11.2002	Nam	Kinh	Bắc Ninh
26	GCN.180126-168	Trần Văn Thanh	08.04.1991	Nam	Kinh	Tuyên Quang
27	GCN.180126-169	Đặng Danh Thành	29.03.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
28	GCN.180126-170	Nguyễn Hoàng Thành	29.07.2000	Nam	Kinh	Thái Bình
29	GCN.180126-171	Đặng Văn Thao	20.01.1992	Nam	Kinh	Bắc Ninh
30	GCN.180126-172	Hoàng Văn Thao	07.06.2000	Nam	Kinh	Bắc Ninh
31	GCN.180126-173	Ngô Phương Thảo	05.08.2001	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
32	GCN.180126-174	Nguyễn Thị Phương Thảo	20.06.2003	Nữ	kinh	Thái Nguyên
33	GCN.180126-175	Nguyễn Thị Phương Thảo	11.08.2006	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
34	GCN.180126-176	Nguyễn Nam Thắng	08.10.2001	Nam	Kinh	Bắc Ninh
35	GCN.180126-177	Vũ Xuân Thắng	24.07.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh

Ấn định danh sách có: 35 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NGÀY THI: 18/01/2026 CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 06

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN.180126-178	Dương Văn Thắm	02.06.2002	Nam	Tày	Lạng Sơn
2	GCN.180126-179	Trần Văn Thế	13.11.1996	Nam	Kinh	Bắc Ninh
3	GCN.180126-180	Nguyễn Quang Thịnh	20.09.2003	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc
4	GCN.180126-181	Bùi Chung Thông	24.05.2002	Nam	Kinh	Bắc Ninh
5	GCN.180126-182	Trần Thị Thơm	04.02.2002	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
6	GCN.180126-183	Lê Thị Thu	27.09.2005	Nữ	Sán Diu	Thái Nguyên
7	GCN.180126-184	Nguyễn Lê Thu	23.10.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
8	GCN.180126-185	Nguyễn Đức Thuận	12.12.1999	Nam	Kinh	Bắc Ninh
9	GCN.180126-186	Nguyễn Đức Thuận	09.07.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
10	GCN.180126-187	Nguyễn Văn Thủy	13.06.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
11	GCN.180126-188	Nguyễn Thị Thanh Thủy	21.04.1985	Nữ	Kinh	Nghệ An
12	GCN.180126-189	Lê Minh Thức	08.06.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
13	GCN.180126-190	Hồ Mai Trang	22.09.1997	Nữ	Nùng	Tuyên Quang
14	GCN.180126-191	Nguyễn Thu Trang	07.01.2001	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
15	GCN.180126-192	Tăng Văn Trọng	01.10.2004	Nam	Kinh	Bắc Giang
16	GCN.180126-193	Đỗ Xuân Trọng	03.04.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
17	GCN.180126-194	Đặng Đình Trung	30.05.2002	Nam	Kinh	Bắc Ninh
18	GCN.180126-195	Nguyễn Đức Trung	19.10.2002	Nam	Kinh	Bắc Ninh
19	GCN.180126-196	Nguyễn Phúc Trung	22.02.2003	Nam	Tày	Thái Nguyên
20	GCN.180126-197	Vàng Văn Trung	30.04.2001	Nam	Giáy	Lào Cao
21	GCN.180126-198	Trần Xuân Trường	21.11.2003	Nam	Tày	Thái Nguyên
22	GCN.180126-199	Ngô Vương Uy	03.07.2001	Nam	kinh	Phú Thọ
23	GCN.180126-200	Nguyễn Thị Tổ Uyên	16.04.2003	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
24	GCN.180126-201	Hoàng Công Văn	18.05.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
25	GCN.180126-202	Hoàng Thành Văn	17.07.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
26	GCN.180126-203	Bùi Hoàng Việt	25.07.2003	Nam	kinh	Bắc Ninh
27	GCN.180126-204	Đỗ Đức Việt	08.12.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
28	GCN.180126-205	Nguyễn Hoàng Việt	02.08.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
29	GCN.180126-206	Nguyễn Văn Việt	03.09.1998	Nam	Kinh	Bắc Giang
30	GCN.180126-207	Trần Khánh Vinh	16.09.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
31	GCN.180126-208	Phùng Đức Vũ	25.10.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
32	GCN.180126-209	Nguyễn Văn Vương	09.09.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
33	GCN.180126-210	Nguyễn Văn Vỹ	07.04.2003	Nam	Tày	Thái Nguyên
34	GCN.180126-211	Nguyễn Bá Yên	03.11.1999	Nam	Kinh	Bắc Ninh
35	GCN.180126-212	Dương Lâm Yên	10.09.2002	Nữ	Nùng	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có: 35 thí sinh./.